

Bản án số: 33/2026/DS-ST

Ngày 03 - 04 - 2026

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệp

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Trinh

Ông Lê Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Nguyễn Việt Cường - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 370/2025/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2026/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2026/QĐST- DS ngày 18/3/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP K (K1); Trụ sở: 40-42-44 P, phường R, tỉnh An Giang; địa chỉ liên hệ: 158-160 N, phường T, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc M; chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Mai Đăng Á - Chuyên viên cao cấp Xử lý nợ khu vực - Trung tâm Xử lý nợ; bà Nguyễn Thị Tuyết S - Chuyên viên Xử lý nợ khu vực (Quyết định số 187/QĐ-CT.HĐQT ngày 21/8/2025 của Chủ tịch HĐQT uỷ quyền ký kết hợp đồng, hồ sơ, tài liệu và thực hiện các thủ tục liên quan đến công tác xử lý nợ và Giấy uỷ quyền số 458A/UQ-NHKL ngày 28/8/2025 của Phó Giám đốc Khối quản trị rủi ro kiêm Giám đốc Trung tâm Xử lý nợ). Ông Á có mặt.

- Bị đơn:

+ Ông Nguyễn Hữu H1, sinh năm 1974; địa chỉ: Tô G, phường V, quận T (nay là phường T), thành phố Đà Nẵng.

+ Bà Bùi Thị Xuân H, sinh năm 1976; địa chỉ: K đường Đ, phường V, quận T (nay là phường T), thành phố Đà Nẵng.

Cùng địa chỉ liên hệ: K đường Đ, Tô 37VT phường T (cũ là phường V, quận T), thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Mai Đăng Ấ trình bày:**

Ngân hàng TMCP K cho ông Nguyễn Hữu H1, bà Bùi Thị Xuân H vay vốn theo Hợp đồng tín dụng số 143/18/HĐTD/0500-3793 ngày 04/7/2018, Giấy đề nghị kiêm giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 23103783/KUNN.CN: Số tiền vay 265.000.000đ, ngày giải ngân 04/7/2018, ngày đến hạn 04/7/2023, mục đích vay mua xe ô tô; Lãi suất cho vay: Lãi suất trong hạn: 11,61%/năm (có điều chỉnh), lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; mức phạt chậm trả lãi: 10%/năm; Hình thức thanh toán: Gốc, lãi trả 60 kỳ, trả định kỳ vào ngày 04 hàng tháng.

Quá trình thực hiện hợp đồng trên, ông H1, bà H chỉ trả được số tiền 31.197.810đ, trong đó: 22.000.000đ nợ gốc và 9.197.810đ nợ lãi trong hạn. Kể từ ngày 04/12/2018 ông H1, bà H không thực hiện theo cam kết, Ngân hàng đã gửi nhiều Thông báo, Công văn yêu cầu trả nợ và bàn giao tài sản bảo đảm cho Ngân hàng xử lý theo đúng quy định nhưng ông H1, bà H không thực hiện. Khoản vay đã bị chuyển sang nợ quá hạn với lãi suất quá hạn ngày 03/01/2019. Khoản vay này chúng tôi chưa bán nợ cho tổ chức, cá nhân nào.

Tính đến ngày 02/4/2026, ông Nguyễn Hữu H1, bà Bùi Thị Xuân H còn nợ K1 số tiền là 565.679.219đ (*Năm trăm sáu mươi lăm triệu, sáu trăm bảy mươi chín nghìn, hai trăm mười chín đồng*), trong đó: Nợ gốc: 243.000.000đ, nợ lãi trong hạn: 66.701.633đ, tiền phạt chậm trả lãi: 38.327.768đ, phạt chậm trả gốc: 217.649.818đ.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp, K1 yêu cầu ông H1, bà H phải thanh toán tổng số tiền nêu trên. Đồng thời, yêu cầu Tòa án tiếp tục tính lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến ngày ông H1, bà H thanh toán hết nợ cho K1.

*** Bị đơn ông Nguyễn Hữu H1, bà Bùi Thị Xuân H không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện cũng như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.**

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng:**

- **Về thủ tục tố tụng:** Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã được đảm bảo thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn là ông Nguyễn Hữu H1, bà Bùi Thị Xuân H vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tố tụng mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên phải chịu hậu quả pháp lý về sự vắng mặt của mình.

- **Về nội dung vụ án:** Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/11/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 1 Điều 3 Thông tư 14/2017/ TT- NHNN ngày 29/9/2017 của Ngân hàng N; điểm c khoản 4 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày

30/12/2016 của Ngân hàng N; Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng N về hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP K về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” với bị đơn ông Nguyễn Hữu H1, bà Bùi Thị Xuân H.

Buộc ông Nguyễn Hữu H1, bà Bùi Thị Xuân H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP K tổng số tiền tính đến ngày 02/4/2026 là 565.679.219đ (*Năm trăm sáu mươi lăm triệu, sáu trăm bảy mươi chín nghìn, hai trăm mười chín đồng*), trong đó: Nợ gốc: 243.000.000đ, nợ lãi trong hạn: 66.701.633đ, tiền phạt chậm trả lãi: 38.327.768đ, phạt chậm trả gốc: 217.649.818đ.

Kể từ ngày 03/4/2026 ông H1, bà H phải chịu các khoản nợ lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 143/18/HĐTD/0500-3793 ngày 04/7/2018 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho K1.

Về chi phí tố tụng, án phí: Ông Nguyễn Hữu H1, bà Bùi Thị Xuân H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngân hàng TMCP K khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Hữu H1, bà Bùi Thị Xuân H thanh toán nợ theo Hợp đồng tín dụng; đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự. Ông Nguyễn Hữu H1, bà Bùi Thị Xuân H có địa chỉ tại phường T (cũ là phường V, quận T), thành phố Đà Nẵng. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Ông Nguyễn Hữu H1, bà Bùi Thị Xuân H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Ông Nguyễn Hữu H1, bà Bùi Thị Xuân H vay vốn tại Ngân hàng TMCP K theo Hợp đồng tín dụng số 143/18/HĐTD/0500-3793 ngày 04/7/2018, Giấy đề nghị kiêm giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 23103783/KUNN.CN: Số tiền vay 265.000.000đ, ngày giải ngân 04/7/2018, ngày đến hạn 04/7/2023, mục đích vay mua xe ô tô; Lãi suất cho vay: Lãi suất trong hạn: 11,61%/năm (có điều chỉnh), lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; mức phạt chậm trả lãi: 10%/năm; Hình thức thanh toán: Gốc, lãi trả định kỳ vào ngày 04 hàng tháng.

Như vậy, Hợp đồng tín dụng nêu trên thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên; đã tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức, thỏa mãn

các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng dân sự theo quy định tại các Điều 117, 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và phù hợp với quy định của Luật các Tổ chức tín dụng nên có hiệu lực pháp luật đối với các bên tham gia ký kết.

Quá trình thực hiện hợp đồng trên, ông H1, bà H chỉ trả được số tiền 31.197.810đ, trong đó: 22.000.000đ nợ gốc và 9.197.810đ nợ lãi trong hạn. Kể từ ngày 04/12/2018 ông H1, bà H không thực hiện theo cam kết, Ngân hàng đã gửi nhiều Thông báo, Công văn yêu cầu trả nợ và bàn giao tài sản bảo đảm cho Ngân hàng xử lý theo đúng quy định nhưng ông H1, bà H không thực hiện. Khoản vay đã bị chuyển sang nợ quá hạn với lãi suất quá hạn ngày 03/01/2019. Khoản vay này K1 chưa bán nợ cho tổ chức, cá nhân nào.

Xét, ông H1, bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết, là người có lỗi trong việc chậm thanh toán tiền nợ. Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng nên được HĐXX chấp nhận, ông H1, bà H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP K tổng số tiền tính đến ngày 02/4/2026 là 565.679.219đ (*Năm trăm sáu mươi lăm triệu, sáu trăm bảy mươi chín nghìn, hai trăm mười chín đồng*), trong đó: Nợ gốc: 243.000.000đ, nợ lãi trong hạn: 66.701.633đ, tiền phạt chậm trả lãi: 38.327.768đ, phạt chậm trả gốc: 217.649.818đ.

Kể từ ngày 03/4/2026 ông H1, bà H phải chịu các khoản nợ lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 143/18/HĐTD/0500-3793 ngày 04/7/2018 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho K1.

Để đảm bảo nợ vay, ông H1, bà H đã thế chấp cho K1 tài sản theo Hợp đồng thế chấp số 143/18/HĐTC-MMTB/0502-0321 ngày 04/7/2018. Tuy nhiên, K1 không yêu cầu Tòa án xem xét xử lý nên Tòa án không thụ lý, giải quyết.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông H1, bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Theo những nhận định như trên Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 2 Điều 227; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

- Điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự;

- Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng;

- Khoản 2 Điều 8, điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH10 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” của Ngân hàng TMCP K đối với ông Nguyễn Hữu H1, bà Bùi Thị Xuân H.

Buộc ông Nguyễn Hữu H1, bà Bùi Thị Xuân Hiếu Nguyễn Hữu H1, bà Bùi Thị Xuân H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP K tổng số tiền tính đến ngày 02/4/2026 là 565.679.219đ (*Năm trăm sáu mươi lăm triệu, sáu trăm bảy mươi chín nghìn, hai trăm mười chín đồng*), trong đó: Nợ gốc: 243.000.000đ, nợ lãi trong hạn: 66.701.633đ, tiền phạt chậm trả lãi: 38.327.768đ, phạt chậm trả gốc: 217.649.818đ.

Kể từ ngày 03/4/2026 ông H1, bà H phải chịu các khoản nợ lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 143/18/HĐTD/0500-3793 ngày 04/7/2018 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho K1.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm số tiền 26.627.000đ (*Hai mươi sáu triệu, sáu trăm hai mươi bảy nghìn đồng*) ông Nguyễn Hữu H1, bà Bùi Thị Xuân H phải chịu.

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền tạm ứng án phí đã nộp 12.617.280đ (*Mười hai triệu, sáu trăm mười bảy nghìn, hai trăm tám mươi đồng*) theo biên lai thu số 0003778 ngày 15/10/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 02/4/2026; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND khu vực 3 - Đà Nẵng;
- Thi hành án dân sự khu vực 3 - Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diệp

